

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/08/2020

*“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Tú Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông **Phan Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 08 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Dương Hồng N**, sinh năm 1998 *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C.

*Bị đơn:* Anh **Trương Văn A**, sinh năm 1997 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Trương Văn M**, sinh năm 1972 *(Có mặt)*

2/ Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1977 *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Hồng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh Trương Văn A có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016 và đến ngày 19/01/2017 thì chị N và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh B. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh A hay ghen tuông vô cớ, mỗi lần nhậu về hay kiếm chuyện đuổi đánh chị N. Chị N cũng có nói với cha mẹ chồng để khuyên bảo anh A nhưng cha mẹ chồng không giải quyết mà cứ im lặng. Vợ chồng chị đã ly thân hơn 03 tháng nay, hiện tại chị đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C sinh sống. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh A nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn A.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017. Trước đây khi mới đám cưới thì vợ chồng ở chung với cha mẹ chồng ở ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B cho đến khi cháu Trương Thị Kiều T được khoảng 16 tháng tuổi (vào khoảng tháng 07 năm 2018) thì vợ chồng chị N, anh A đi thành phố làm công nhân và gửi con lại cho cha mẹ chồng là ông Trương Văn M và bà Huỳnh Thị T chăm sóc. Vài tháng thì vợ chồng về thăm con một lần. Từ khi ly thân đến nay cháu Trương Thị Kiều T sống chung với cha mẹ chồng chị là ông Trương Văn M và bà Huỳnh Thị T ở ấp T, xã N, huyện H. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi cháu Trương Thị Kiều T, chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì khác.

**Bị đơn anh Trương Văn A trình bày:** Anh A thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Tuy nhiên chị N trình bày anh A hay nhậu nhẹt và đánh đập chị N vô cớ là không có. Trước đây khi vợ chồng còn chung sống thì vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã và xô xát với nhau, lỗi là do 02 phía chứ không phải anh A vô cớ đánh đập chị N như chị N trình bày. Đối với các yêu cầu khởi kiện của chị N hiện nay thì anh A có ý kiến như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Anh A đồng ý ly hôn với chị N vì xét thấy hiện tại tình cảm giữa vợ chồng đã không còn.

+ *Về con chung:* Anh A không đồng ý giao con chung là cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017 cho chị N chăm sóc khi vợ chồng ly hôn vì từ khi cháu Kiều T sinh ra cho đến nay cháu T sống chung với vợ chồng anh A và ông bà nội. Cháu đã có cuộc sống ổn định bên nhà nội, nếu giao cháu cho mẹ về bên nhà ngoại sinh sống sẽ làm thay đổi cuộc sống ổn định và sự phát triển của cháu. Do đó anh xin được quyền nuôi cháu Trương Thị Kiều T và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh A không có yêu cầu gì khác.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn M và bà**

**Huỳnh Thị T thống nhất trình bày:** Ông bà là cha mẹ ruột của anh Trương Văn A và là cha mẹ chồng của chị Dương Hồng N. Trong quá trình chung sống anh A và chị N có với nhau 01 người con chung là cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017. Hiện tại thì cháu Trương Thị Kiều T đang ở cùng với ông bà và anh Trương Văn A. Trước đây khi mới đám cưới thì vợ chồng anh A, chị N ở chung nhà với ông bà ở ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B cho đến khi sinh cháu Trương Thị Kiều T được khoảng 16 tháng tuổi (vào khoảng tháng 07 năm 2018) thì vợ chồng anh A, chị N đi thành phố làm công nhân và gửi cháu Trương Thị Kiều T lại cho vợ chồng ông bà chăm sóc đến nay. Vài tháng thì vợ chồng anh A, chị N về thăm con một lần. Hiện nay chị N khởi kiện xin ly hôn với Trương Văn A và yêu cầu được nuôi cháu Trương Thị Kiều T thì vợ chồng ông bà không có ý kiến gì. Việc ai nuôi cháu T thì vợ chồng anh A, chị N tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì vợ chồng ông bà nhờ Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết giao cháu T cho anh Trương Văn A chăm sóc thì vợ chồng ông bà cũng vẫn tiếp tục chăm sóc cháu T cùng với anh Trương Văn A vì từ nhỏ đến nay cháu T sống chung với ông bà và rất mến ông bà. Ngoài ra ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Hồng N và anh Trương Văn A.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017 cho anh Trương Văn A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Kiều T nhưng chị có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

+ Về án phí: Buộc chị Dương Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Dương Hồng N khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Trương Văn A nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

- Về nội dung vụ án:

[2] Xét qua hệ hôn nhân giữa chị Dương Hồng N và anh Trương Văn A, thấy rằng: Chị N và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh B vào ngày 19/01/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị N và anh A thừa nhận giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi và cũng có xảy ra xô xát với nhau và vợ chồng đã ly thân hơn 03 tháng nay. Trong khoảng thời gian ly thân chị N và anh A đều không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; cuộc sống chung giữa anh chị không còn tồn tại, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đồng thời tại phiên tòa ngày hôm nay anh A cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Hồng N và anh Trương Văn A.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh A thống nhất thừa nhận anh chị có với nhau 01 người con chung là cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017, cháu T hiện đang sống cùng với ông bà nội là ông Trương Văn M và bà Huỳnh Thị T tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B. Khi ly hôn cả chị N và anh A cùng có yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu Trương Thị Kiều T đến nay đã hơn 36 tháng tuổi. Trong thời gian vợ chồng chị N, anh A ly thân với nhau thì cháu T sống cùng với ông bà nội là ông Trương Văn M và bà Huỳnh Thị T. Theo quy định của pháp luật anh A và chị N có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T. Khi xem xét giao con cho ai nuôi phải căn cứ quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế, chăm sóc của các bên để đưa bé phát triển bình thường về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh A không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi con, nên cần phải xem xét về điều kiện kinh tế, chăm sóc, giáo dục con của anh A và chị N. Theo đó, chị N xác định hiện tại chị đã về bên nhà cha mẹ ruột ở ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C và có mở tiệm tạp hóa, thu nhập hàng ngày từ việc bán tạp hóa từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, trung bình hàng tháng thu nhập khoảng 4.500.000 đồng và được chính quyền địa phương xác nhận. Đối với anh A, quá trình giải quyết vụ án anh A trình bày hiện tại Anh đang làm công nhân cho công ty trách Nhiệm hữu hạn TIMBER INDUSTRIES thu nhập hàng tháng của anh dao động từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, đồng thời anh A có cung cấp hợp đồng lao động cũng như bảng chi tiết tiền lương của anh được công ty trả qua Ngân hàng hàng tháng. Từ đó cho thấy, về điều kiện kinh tế cả chị N và anh A đều đủ điều kiện để nuôi con. Xét thời gian gần gũi, chăm sóc con, hiện tại chị N đã về nhà cha mẹ ruột và buôn bán tạp hóa tại nhà. Còn anh A đang đi làm công nhân ở thành phố nên xét về thời gian để chăm sóc con của chị N sẽ nhiều hơn so với anh A, tuy nhiên tại phiên tòa anh A xác định anh đã nghỉ làm ở công ty trách nhiệm

hữu hạn TIMBER INDUSTRIES khoảng 01 tháng nay do tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp, hiện tại anh đã về nhà sống cùng với cha mẹ anh để dành nhiều thời gian chăm sóc cho cháu Kiều T và anh đang đi làm phụ hồ ở gần nhà với mức thu nhập 300.000 đồng/ngày. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cả chị N, anh A và vợ chồng ông M, bà T đều xác định trước đây khi mới đám cưới thì vợ chồng anh A, chị N ở chung nhà với ông M, bà T ở ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B cho đến khi sinh cháu Trương Thị Kiều T được khoảng 16 tháng tuổi (khoảng tháng 07 năm 2018) thì vợ chồng anh A, chị N đi thành phố làm công nhân và gửi cháu T lại cho ông M, bà T chăm sóc đến nay. Và từ khi vợ chồng chị N, anh A ly thân đến nay thì cháu Kiều T vẫn sống cùng với ông M, bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ nhỏ đến nay cháu Trương Thị Kiều T được sinh ra và lớn lên bên gia đình nội, hiện tại cháu đang sống cùng với anh A và ông bà nội. Cháu đã có cuộc sống ổn định, do đó để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu Kiều T xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trương Thị Kiều T cho anh Trương Văn A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Dương Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A không có yêu cầu, chị N có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị N và anh A không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị Dương Hồng N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Trương Văn A không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ nêu trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Hồng N và anh Trương Văn A.

**2.** Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 15/03/2017 cho anh Trương Văn A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Dương Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

**3.** Về quan hệ tài sản: Chị Dương Hồng N và anh Trương Văn A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Buộc chị Dương Hồng N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003163 ngày 21/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H nay được chuyển thu án phí.

Anh Trương Văn A không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAD tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

**Phan Tú Anh**